TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-03-2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 10/03/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về vụ việc tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 493/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm: 1971
Địa chỉ: Đường M1, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Đường M2, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Tran Dinh T (Trần Đình T), sinh năm: 1941
Quốc tịch: Hoa Kỳ
Địa chỉ: USA.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Trần Ngọc T:

Bà và ông Tran Dinh T (Trần Đình T), sinh năm 1941 tự nguyện kết hôn vào ngày 31 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ đăng ký kết hôn số 429 quyển số 02 ngày 01tháng 02 năm 2008.

Sau khi kết hôn, ông Tran Dinh T (Trần Đình T) trở về Mỹ sinh sống và làm việc, bà vẫn ở lại Việt Nam. Từ khi về Mỹ đến nay thì giữa bà và ông Tran Dinh T (Trần Đình T) không có liên lạc hay về Việt Nam thăm bà. Do thời gian xa cách kéo dài lại không có điều kiện gần gũi nhau nên giữa bà và ông Tran Dinh T (Trần Đình T) phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được. Bà và ông Tran Dinh T (Trần Đình T) đã cắt đứt quan hệ tình cảm hơn 11 năm lại không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Tran Dinh T (Trần Đình T) ổn định cuộc sống riêng của mình.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Tran Dinh T (Trần Đình T) trình bày:

Đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt của ông Tran Dinh T (Trần Đình T) đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10 tháng 01năm 2020 tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ có nội dung:

Ông và bà Trần Ngọc T kết hôn tự nguyện vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 429, quyển số 02 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Sau khi kết hôn ông trở về Mỹ sinh sống và làm việc. Trong khoảng thời gian này, ông và bà T thấy không hòa hợp nên đã cắt đứt tình cảm hơn 11 năm.Vì thời gian xa cách kéo dài, lại không ở gần nhau không có cuộc sống vợ chồng nên tình cảm vợ chồng không còn và lại phát sinh mâu thuẫn. Ông cảm thấy cuộc hôn nhân giữa ông và bà T không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà T để đôi bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Ngọc T đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với Tran Dinh T (Trần Đình T) hiện đang sinh sống tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Trần Ngọc T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án; Ông Tran Dinh T (Trần Đình T) có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10 tháng 01năm 2020 tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc T, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Ngọc T và ông Tran Dinh T (Trần Đình T) vào sổ đăng ký kết hôn số 429, quyển số 02 ngày 01 tháng 02 năm 2008 thì hôn nhân giữa bà T và ông Tran Dinh T (Trần Đình T) là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Ngọc T yêu cầu được ly hôn ông Tran Dinh T (Trần Đình T) vì những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, lại không có thời gian gần gũi nhau trong cuộc sống, cả hai bên cũng thừa nhận không có liên lạc để giải quyết bất đồng và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn phát sinh, hạnh phúc vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt.

Tại đơn xin vắng mặt thì ông Tran Dinh T (Trần Đình T) cũng đồng ý theo yêu cầu của bà T. Do đó nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc T để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Cả hai xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[3] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc T.

Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T được ly hôn với ông Tran Dinh T (Trần Đình T).

Giấy chứng nhận kết hôn số số 429, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008 cho bà Trần Ngọc T và ông Tran Dinh T (Trần Đình T) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024306 ngày 23/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà Trần Ngọc T nhận tống đạt hợp lệ bản án. Đối với ông Tran Dinh T (Trần Đình T) thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/18)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Trang